TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **80**/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 22 - 06 - 2023.
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Cao Trung kiên

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thanh Hiếu – Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 06 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 03 năm 2023 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 06 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thuỳ T; sinh năm 2001; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Đỗ Quốc C; sinh năm 1998; Nơi cư trú: TDP N, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị T có mặt, anh C lần thứ 2 vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thuỳ T trình bày:

Chị và anh Đỗ Quốc C có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 09 năm 2022 tại UBND thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng từ tháng 11 năm 2022

thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C chơi bời dẫn đến nợ nần. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh C không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2022 đến nay không ai quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị ly hôn với anh Đỗ Quốc C.

Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 24/05/2023, tại biên bản lấy lời khai bà Bùi Thị Ngà (mẹ đẻ của anh Đỗ Quốc C) trình bày: Gia đình bà có nhận được các thông báo của Toà án gửi về và gia đình bà cũng biết việc chị T có đơn xin ly hôn với anh C. Bà xác nhận vợ chồng anh C, chị T có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C vào ngày 16/09/2022. Hiện tại vợ chồng anh C chị T chưa có con chung. Quá trình chung sống , vợ chồng anh C và chị T có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể là gì thì bà không nắm rõ. Ngày 23/12/2022 (âm lịch), chị T có xin phép vợ chồng bà về nhà bố mẹ đẻ một thời gian. Sau Tết năm 2023, chị T có về gia đình bà và thông báo việc chị không thể tiếp tục chung sống với anh C được nữa. Chị T đã xin phép gia đình bà để thu dọn đồ đạc và các tài sản riêng của chị mang đi. Gia đình bà không quản lý tài sản nào khác của chị T. Về tài sản chung, vợ chồng anh C, chị T mới cưới nhau nên không có tài sản chung. Về công nợ chung của vợ chồng chị T thì bà không nắm rõ. Vợ chồng anh C, chị T không có đóng góp tài sản gì và cũng không vay nợ gì đối với gia đình bà.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh C, gia đình bà không có ý kiến vì đây là việc riêng của anh C. Hiện tại, anh C đang đi làm ăn xa nên đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật. Bà sẽ thông báo cho anh C được biết việc Toà án có đến gia đình để làm việc. Đối với các văn bản mà Toà án gửi về cho anh C thì bà nhận trách nhiệm nhận và thông báo nội dung văn bản cho anh C được biết.

Tại phiên tòa:

Chị T vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện xin ly hôn với anh Đỗ Quốc C. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS;

Bị đơn mặc dù đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, không có mặt tại phiên tòa là vi phạm quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy

định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 là đúng quy định tại Điều 238 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy vợ chồng chị T, anh C mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thuỳ T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS;

Bị đơn mặc dù đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, không có mặt tại phiên tòa là vi phạm quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 là đúng quy định tại Điều 238 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Chị Nguyễn Thuỳ T và anh Đỗ Quốc C có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 09 năm 2022 tại UBND thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng từ tháng 11 năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2022 đến nay không ai quan tâm đến ai.

Sau khi chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn, Tòa án đã thông báo nội dung khởi kiện và nhiều lần triệu tập cho anh C được biết nhưng anh C cố tình vắng mặt không có lý do.

Theo yêu cầu của chị T, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/05/2023 bà Bùi Thị Ngà (mẹ đẻ của anh Đỗ Quốc C) trình bày: Gia đình bà có nhận được các thông báo của Toà án gửi về và gia đình bà cũng biết việc chị T có đơn xin ly hôn với anh C. Bà xác nhận vợ chồng anh C, chị T có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C vào ngày 16/09/2022. Quá trình chung sống, vợ chồng anh C và chị T có xảy

ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể là gì thì bà không nắm rõ. Ngày 23/12/2022 (âm lịch), chị T có xin phép vợ chồng bà về nhà bố mẹ đẻ một thời gian. Sau Tết năm 2023, chị T có về gia đình bà thông báo việc chị không thể tiếp tục chung sống với anh C được nữa. Chị T đã xin phép gia đình bà để thu dọn đồ đạc và các tài sản riêng của chị mang đi. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh C, gia đình bà không có ý kiến vì đây là việc riêng của anh C. Hiện tại, anh C đang đi làm ăn xa nên đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật. Bà sẽ thông báo cho anh C được biết việc Toà án có đến gia đình để làm việc. Đối với các văn bản mà Toà án gửi về cho anh C thì bà nhận trách nhiệm nhận và thông báo nội dung văn bản cho anh C được biết.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh C đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ với nhau được nữa nên việc chị T xin ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị T, anh C không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Anh C có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác về tài sản chung, khoản nợ chung của vợ chồng nếu như có yêu cầu và có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Toà án:

1. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thuỳ T và anh Đỗ Quốc C.

2. Án phí: Chị Nguyễn Thuỳ T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Được trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002253 ngày 28/03/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Chị T đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND thị trấn C;
- UBND xã N;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà